

DHA – Công ty cổ phần Hóa An (HOSE) – Update2

DHA thành lập từ năm 1978, hoạt động chính trong phía Nam, vốn điều lệ 151 tỷ. Sở hữu 3 mỏ đá là Núi Gió, Tân Cang 3, Thạch Phú 2 gần cao tốc, sân bay Long Thành. Hiện tại nhu cầu tiêu thụ đá xây dựng được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh trong những tháng cuối năm do được hưởng lợi từ chính sách đầu tư công. Động lực chính đến từ các công trình trọng điểm hạ tầng giao thông.

Báo cáo lần 1 của DHA ngày 22/07/2020 được trình bày tại [đây](#).

1. Lịch sử hình thành và phát triển

- 1980 Xí nghiệp đá Hóa An - công suất thiết kế 50 ngàn m³ đá các loại
- 1984 Nâng sản lượng khai thác lên 200 ngàn m³/năm
- 1994 Nâng công suất khai thác lên 500 ngàn m³/năm
- 1995 Trực thuộc tổng công ty xây dựng số 1
- 1998 Thành lập Xí nghiệp 2 khai thác đá - Suối Trầu, Long Thành, Đồng Nai - mỏ 5.5 triệu m³ - công suất 200 ngàn m³/năm
- 1999 Nhận chuyển nhượng khai thác mỏ Núi Gió, Bình Phước - công suất 250 ngàn m³/năm
- 2000 Công ty cổ phần - vốn 25 tỷ
- 2001 Nâng công suất khai thác lên 1 triệu m³/năm đến 2010
- 2004 Niêm yết trên HOSE - vốn 38.5 tỷ
- 2006 Sản lượng sản xuất là 1.23 triệu m³/năm - Doanh thu 83.9 tỷ - Lãi sau thuế 22.6 tỷ
- 2007 Phát hành cổ phiếu tăng vốn - vốn 101 tỷ
- 2010 Phát hành cổ phiếu tăng vốn - vốn 151 tỷ
- 2011 Bắt đầu khai thác mỏ Núi Gió, Bình Phước - tháng 1/2011
- Bắt đầu khai thác mỏ Tân Cang 3 - tháng 3/2011
- Bắt đầu khai thác mỏ Thạch Phú 2 - tháng 10/2011

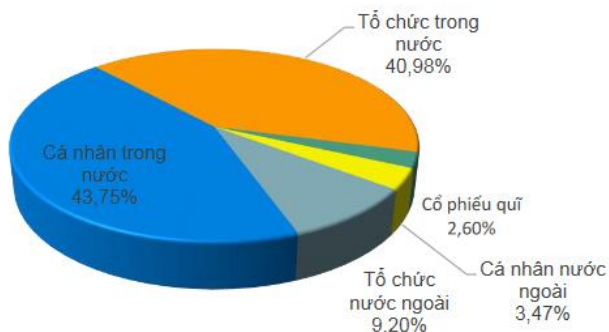
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính là chế biến và khai thác đá, công suất 1.6tr m³/năm

Các sản phẩm chính của DHA là đá 1x1 1x2 0x3 0x4...

Đá 1x1 1x2	Trộn bê tông xây nhà, cầu cầu, giao thông, thủy lợi, đường,...
Đá 0x3 0x4	Lót nền móng, nền đường, san lấp
Đá 4x6 5x7	Xây móng, bờ kè, lót nền công trình, lót nền đường...
Đá mi ...	trộn bê tông, nhựa nóng, sản xuất cát nhân tạo, gạch block, lót đường

3. Cơ cấu cổ đông



DHA có 2 cổ đông lớn là FICO và C32 với tỷ lệ nắm giữ là 25.52% và 13.52%.

Thông tin gần đây: ngày 11/8/2021 C32 đăng ký bán toàn bộ cổ phiếu nắm giữ, hiện chưa có thông tin về kết quả giao dịch.

4. Mở đá

So với các doanh nghiệp trong ngành đá thì DHA sở hữu 3 mỏ đá có vị trí địa lý thuận lợi, mỏ Thạch Phú 2 có công suất lớn nhất là chủ lực, trữ lượng và thời gian cấp phép khai thác dài (đến 2026-2038). Vị trí thuận lợi cũng giúp DHA giảm thiểu được chi phí liên quan đến vấn đề tiêu thụ thành phẩm

	Núi Gió	Tân Cang 3	Thạch Phú 2
Địa điểm	Bình Phước	Biên Hòa, Đồng Nai	Vĩnh Cửu, Đồng Nai
Vận chuyển	đường bộ	đường bộ	đường sông
Diện tích đc phép khai thác (ha)	18.52	21.74	20
Công suất khai thác - m3/năm	300,000	488,000	818,000
Năng lực sản xuất	3 dây chuyền	3 dây chuyền	3 dây chuyền
Đáp ứng nhu cầu hiện tại	đủ	đủ	đủ - chủ lực - vị trí đẹp
Thời hạn giấy phép	2038	2037	09/2026

Chi tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	Tỷ lệ (%) KH 2021 / TH 2020
Tổng Doanh thu	393.404.219	354.217.327	90,04%
Doanh thu sản xuất (Núi Gió)	60.136.409	56.578.554	94,08%
Doanh thu sản xuất (Tân Cang 3)	123.925.869	109.420.775	88,30%
Doanh thu sản xuất (Thạch Phú 2)	198.426.949	179.417.998	90,42%
Doanh thu HĐ tài chính và DT khác	10.914.992	8.800.000	80,62%
Tổng Lợi nhuận trước thuế	121.600.025	91.054.000	74,88%
LN từ SXKD đá XD mỏ Núi Gió	17.734.679	15.277.097	86,14%
LN từ SXKD đá XD mỏ Tân Cang 3	32.393.685	22.405.210	69,17%
LN từ SXKD đá XD mỏ Thạch Phú 2	53.545.385	45.071.693	84,17%
Lợi nhuận tài chính và LN khác	17.926.276	8.300.000	46,30%
Tổng Lợi nhuận sau thuế	98.274.259	72.843.000	74,12%
Thu nhập b/q người lao động/tháng	16.600	16.200	97,59%
Kế hoạch cổ tức năm 2021 (%/VDL)		30% đến 50%	

Về kế hoạch kinh doanh: DHA đặt kế hoạch thấp hơn so với 2020, mặc dù vậy truyền thống của công ty là thường đặt kế hoạch thấp hơn so với mức thực hiện.

Cổ tức dự kiến của DHA trong 2021 là 30% - 50%.

5. Báo cáo tài chính

	2018	2019	2020	Quý 1-2021	Quý 2-2021
I - TÀI SẢN NGẮN HẠN	223,237,307,466	249,765,386,099	318,560,446,203	323,908,841,010	316,451,484,057
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	95,753,291,780	69,283,841,539	36,720,730,061	17,868,300,722	43,195,740,404
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	37,385,319,007	87,754,994,507	194,228,903,657	212,195,093,657	185,026,903,657
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	67,697,193,608	67,042,656,663	75,932,335,526	84,124,285,364	79,914,899,258
4. Hàng tồn kho	213,967,470	144,827,091	139,950,000	139,950,000	139,950,000
5. Tài sản ngắn hạn khác	22,187,535,601	25,539,066,299	11,538,526,959	9,581,211,267	8,173,990,738
II - TÀI SẢN DÀI HẠN	196,019,588,569	176,828,158,567	156,875,835,731	152,603,218,258	147,399,461,110
1. Các khoản phải thu dài hạn	6,720,343,727	6,905,940,127	6,967,301,179	7,389,708,359	7,389,708,359
2. Tài sản cố định	88,601,113,749	77,512,152,309	65,337,924,236	62,811,865,078	60,357,628,981
3. Bất động sản đầu tư					
4. Tài sản dở dang dài hạn	26,396,075,164	25,040,058,801	25,140,058,801	25,140,058,801	25,140,058,801
5. Đầu tư tài chính dài hạn					
6. Tài sản dài hạn khác	74,302,055,929	67,370,007,330	59,430,551,515	57,261,586,020	54,512,064,969
Tổng cộng tài sản	419,256,896,035	426,593,544,666	475,436,281,934	476,512,059,268	463,850,945,167
I - NỢ PHẢI TRẢ	32,869,318,007	39,523,273,991	46,745,069,786	29,853,467,157	42,709,228,124
1. Nợ ngắn hạn	28,971,154,301	34,915,358,167	41,660,575,276	24,669,747,767	37,411,364,346
2. Nợ dài hạn	3,898,163,706	4,607,915,824	5,084,494,510	5,183,719,390	5,297,863,778
II - VỐN CHỦ SỞ HỮU	386,387,578,028	387,070,270,675	428,691,212,148	446,658,592,111	421,141,717,043
1. Vốn chủ sở hữu	386,387,578,028	387,070,270,675	428,691,212,148	446,658,592,111	421,141,717,043
2. Nguồn kinh phí và các quỹ khác					
III - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐỒNG THIỂU SỐ					
Tổng cộng nguồn vốn	419,256,896,035	426,593,544,666	475,436,281,934	476,512,059,268	463,850,945,167

Về cơ cấu tài sản, DHA có cơ cấu tài sản lành mạnh, tiền mặt và vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản và nguồn vốn của doanh nghiệp. DHA cũng không vay nợ trong kinh doanh sản xuất.

Doanh nghiệp trả cổ tức tiền mặt đều đặn nhiều năm, tỷ suất D/P ~ 10.4%/năm (2019 trả tiền mặt 30%, 2020 trả tiền mặt 50%, kế hoạch 2021 trả 30% - 50%)

	2018	2019	2020	Quý 1-2021	Quý 2-2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	297,821,104,981	331,527,075,458	382,489,227,375	70,712,287,621	95,840,922,475
2. Các khoản giảm trừ doanh thu					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	297,821,104,981	331,527,075,458	382,489,227,375	70,712,287,621	95,840,922,475
4. Giá vốn hàng bán	205,626,357,981	229,349,026,049	260,783,431,597	49,200,292,158	64,392,007,666
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	92,194,747,000	102,178,049,409	121,705,795,778	21,511,995,463	31,448,914,809
6. Doanh thu hoạt động tài chính	6,682,089,806	8,967,020,138	10,907,511,154	1,626,799,080	3,575,884,909
7. Chi phí tài chính	687,893,899	12,275,806,697	-7,664,690,756	-2,928,680,899	14,419,530
- Trong đó: Chi phí lãi vay					
8. Phần lãi lỗ hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết				-72,330,263	
9. Chi phí bán hàng	239,590,728	291,187,570	367,370,911	3,535,920,226	29,954,545
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14,917,470,260	14,772,466,572	17,664,675,904		4,018,961,197
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	83,031,881,919	83,805,608,708	122,245,950,873	22,459,224,953	30,961,464,446
12. Thu nhập khác	2,363,250	100,701,250	7,481,250		6,412,500
13. Chi phí khác	15,678,030	26,863,979	653,406,464		
14. Lợi nhuận khác	-13,314,780	73,837,271	-645,925,214		6,412,500
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	83,018,567,139	83,879,445,979	121,600,025,659	22,459,224,953	30,967,876,946
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	16,124,235,626	15,949,223,724	23,325,766,011	4,491,844,990	6,122,077,629
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	66,894,331,513	67,930,222,255	98,274,259,648	17,967,379,963	24,845,799,317
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	66,894,331,513	67,930,222,255	98,274,259,648	17,967,379,963	24,845,799,317
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,997	4,222	6,273	1,220	1,687
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		4,222	6,273		

Lũy kế 6 tháng DHA lãi ròng 39.4 tỷ, bằng 92% so với cùng kỳ 2020, đạt 54% kế hoạch 2021.

Biên lãi gộp và Biên lãi ròng được duy trì tốt trong các quý và năm gần đây.

6. Đánh giá

Tổng kết lại, DHA là 1 doanh nghiệp tốt, ngành nghề được hưởng lợi từ đầu tư công của chính phủ, cơ cấu tài sản an toàn, không có vay nợ, tỷ lệ D/P ~ 10%/năm, cao hơn mức tiền gửi ngân hàng. Rủi ro lớn của doanh nghiệp là nằm ở phía Nam và bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, có thể làm gián đoạn quá trình khai thác đá. Hiện tại DHA đang giao dịch quanh vùng 47-48, mức giá phù hợp đối với giá trị doanh nghiệp là vùng 55 – 60.